

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày: 29 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nghiêm

Ông Phạm Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Đình T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1991 tại Tây Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện tại: **Khu phố H, phường L, tỉnh Tây Ninh**; con ông: **Nguyễn Đình T1**, sinh năm: 1958; con bà: **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1959; vợ: **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1990; con: **Nguyễn Ngọc Bảo N1**, sinh năm: 2013; con: **Nguyễn Đình Gia H**, sinh năm: 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/5/2016. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2025 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* **Trần Thanh S**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh**. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Lê Thị Kim L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số A Đ, phường L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 22/02/2025, Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô biển số 62AA-110.30 đi trên đường T, hướng xã L, huyện Y (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền trả nợ. T điều khiển xe đến khu vực ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh) nhìn thấy nhà ông Trần Thanh S, sinh năm 1990 đóng cửa, không người trông coi. T dừng xe lại và để xe ở lề đường. T đi bộ đến cửa sau bên hông nhà ông S, T dùng tay kéo mạnh cánh cửa làm ổ khóa bung ra, T đi vào bên trong nhà và cúp cầu dao điện. Sau đó, T đi vào phòng ngủ lấy 01 ba lô, rồi đi qua phòng ngủ kế bên lấy 01 hộp màu xanh bên trong có 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng đính 02 viên đá bỏ vào ba lô, T tiếp tục đi đến bàn thờ ông địa lấy trộm 02 bao lì xì bên trong có số tiền là 1.020.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản, T đi ra lấy xe mô tô điều khiển đến nhà Nguyễn Thành Đ1, sinh năm: 1994, địa chỉ: Ấp B xã H, thành phố T, tỉnh Long An (nay là khu phố H, phường L, tỉnh Tây Ninh), nhưng Đ1 không có ở nhà, T mở hộp đôi bông tai thấy có hóa đơn của tiệm V, ở Phường A, thành phố T (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh), T đem đôi bông tai đến tiệm V bán nhưng không bán được, vì đôi bông tai là loại hột xoàn nên cần có giấy bảo đảm chủ tiệm vàng mới thu mua. Sau đó, T điều khiển xe đến tiệm bán quần áo của chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1993, địa chỉ: Số A đường Đ, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh) nhờ chị P bán dùm đôi bông tai nhưng không bán được. T trở về nhà Đ1 và nhờ Đ1 bán dùm đôi bông tai, Đ1 đồng ý. T điều khiển xe chở Đ1 đến nhờ chị P đi hỏi giá dùm, chị P báo tiệm V1 đồng ý mua với giá từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. T nhờ Đ1 đem đôi bông tai đi bán dùm nhưng Đ1 không đem bán mà nhận cầm đôi bông tai này của T, với số tiền 5.400.000 đồng, T đã tiêu xài hết số tiền này. Ngày

23/02/2025, Cơ quan Công an mời **T** làm việc và **T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu được.

Kết luận định giá tài sản số: 798/KL-HĐĐG ngày 09/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện T** kết luận:

- Giá trị phần vỏ bằng vàng của đôi bông tai tại thời điểm ngày 22/02/2025 là 16.466.667 đồng.

- Đối với phần đá đính trên đôi bông tai thì Hội đồng định giá huyện không có cơ sở để định giá.

Kết luận định giá tài sản số: 357/KL-HĐĐG ngày 27/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự **xã M, tỉnh Tây Ninh** kết luận: giá trị của 01 ba lô màu đỏ có dòng chữ Wake up tại thời điểm ngày 22/02/2025 là 45.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài sản: 01 ổ khóa; 01 túi giấy màu đỏ; 01 quần sọc caro trắng đen, có túi; 01 áo thun xám ngắn tay; 01 điện thoại Iphone X số seri F2NW2B5J3JCLH, gắn sim điện thoại số 0348922449; 01 đôi dép lười màu đen, đế trắng, quai kẹp; 01 nón lưỡi trai, màu đen trắng; 01 áo khoác màu đen; 01 giấy bảo đảm; 01 ba lô màu đỏ có dòng chữ Wake up; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng, có đính 02 viên đá; 01 hộp đựng bông tai, màu xanh đậm.

Xử lý đồ vật, tài sản: Trả cho anh **Trần Thanh S** 01 ba lô màu đỏ có dòng chữ Wake up; 01 hộp đựng bông tai, màu xanh đậm; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng, có đính 02 viên đá; 01 giấy bảo đảm; 01 ổ khóa; 01 túi giấy màu đỏ.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại **Trần Thanh S** nhận lại số tiền 1.020.000 đồng và tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-KV1 ngày 27 tháng 11 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh truy tố bị cáo **Nguyễn Đình T** về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Đình T** thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh truy tố **Nguyễn Đình T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ,

đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, là tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm được thực hiện tại **xã T, tỉnh Tây Ninh** nên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh có thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 268 và khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo **Nguyễn Đình T** tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 798/KL-HĐĐG ngày 09/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện T** và phù hợp với nội dung bản cáo trạng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì động cơ cá nhân, ngày 22/02/2025, bị cáo **Nguyễn Đình T** điều khiển xe mô tô biển số 62AA - 110.30 đi trên **đường T**, khi

đi ngang nhà anh **Trần Thanh S**, địa chỉ: **ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh** thấy nhà anh **S** đóng cửa, không người trông coi, **T** lén lút đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, gồm: 01 đôi bông tai, 01 ba lô và số tiền 1.020.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo **Nguyễn Đình T** chiếm đoạt là 37.965.000 đồng.

[5] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận thức được mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân, tổ chức đều bị pháp luật xử lý nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh truy tố **Nguyễn Đình T** với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra truy tố, bị cáo **Nguyễn Đình T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả, tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng xét về nhân thân: Ngày 30/9/2015, **Nguyễn Đình T** bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, nên cần có hình phạt nghiêm khắc hơn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: 01 quần sọc caro trắng đen, có túi; 01 áo thun xám ngắn tay; 01 đôi dép lười màu đen, đế trắng, quai kẹp; 01 nón lưỡi trai, màu đen trắng; 01 áo khoác màu đen không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là điện thoại của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo **Nguyễn Đình T** 01 điện thoại Iphone X số seri F2NW2B5J3JCLH, gắn sim điện thoại số 0348922449.

Đối với xe mô tô biển số 62AA - 110.30 do **Nguyễn Thị N** (vợ **T**) đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo **T** sử dụng xe mô tô này đưa chị **N** đi làm, sau đó thực hiện hành vi phạm tội, chị **N** không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với **Nguyễn Thành Đ1** và **Nguyễn Thị Hồng P** không biết đôi bông tai là do **Nguyễn Đình T** trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định pháp luật.

[9] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 quần sọc caro trắng đen, có túi; 01 áo thun xám ngắn tay; 01 đôi dép lười màu đen, đế trắng, quai kẹp; 01 nón lưỡi trai, màu đen trắng; 01 áo khoác màu đen.

Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Đình T** 01 điện thoại Iphone X số seri F2NW2B5J3JCLH, gắn sim điện thoại số 0348922449

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Nguyễn Đình T** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh; (01)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (01)
- VKSND KV1-Tây Ninh; (01)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (01)
- Phòng THADS KV1-Tây Ninh;(01)
- UBND (nơi bị cáo cư trú); (01)
- Bị cáo; (01)
- Đương sự (4)
- Bộ phận THA hình sự; (07)
- Lưu: hồ sơ vụ án, AV. (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Tuyền

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sở – Nguyễn Thị Tĩnh

Bùi Ngọc Tuyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Viện KSND tỉnh Long An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện KSND thành phố Tân An;
- Công an thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- UBND (nơi bị cáo cư trú);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, AV.

Bùi Ngọc Tuyền

